

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĨNH CỬU  
TỈNH ĐỒNG NAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

-----  
Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 23-01-2018  
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU TỈNH ĐỒNG NAI**

**\* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Võ Xuân Sơn
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Anh
2. Bà Lê Thị Kim Loan

**\* Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Tất Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 431/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết B, sinh năm: 1981;

Nơi thường trú: Số nhà 87, đường Nguyễn Tất Thành, tổ 1, khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

*2. Bị đơn:* Anh Đỗ Trí C, sinh năm: 1969;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: tổ 1, khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Đồng Nai.

(Chị B có mặt, anh C xin xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Theo đơn khởi kiện, lời khai khác có tại hồ sơ và phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết B trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh C tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn N, huyện P ngày 24/8/2006 và đã được UBND thị trấn N, huyện P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165 ngày 24/8/2006. Anh chị có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc tại tổ 1, khu phố M, thị trấn N, huyện P. Đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn hay xảy ra xung đột nhau. Nguyên nhân do anh C thường xuyên vắng nhà không có lý do, không quan tâm đến vợ, con. Vì muốn giữ hạnh phúc gia đình và muốn các con có tình thương của cha mẹ chị đã cam chịu và nhiều lần nói chuyện với anh C nhưng anh C không sửa nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Chị đã phải đưa các con về sống tại nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với anh C từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị ít liên lạc, quan tâm đến nhau. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương hòa giải. Chị nhận thấy anh chị không thể tiếp tục gắn bó với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy nay chị làm đơn này yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

- Về con chung: Chị và anh C có 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 23/4/2008 và Đỗ Khánh H, sinh ngày 06/12/2009. Hiện nay hai con chung đang sống với chị. Nếu ly hôn chị xin được nuôi 02 con chung và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay chị đang làm nghề buôn bán có đủ điều kiện kinh tế để nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn anh Đỗ Trí C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân đúng như chị B khai. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, dẫn đến cãi vã nhau, từ đó anh chị ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân anh chị không liên lạc, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Mâu thuẫn của anh chị chưa được chính quyền địa phương và gia đình hòa giải. Nay qua yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B thì anh không đồng ý vì thương 02 con chung, không muốn các con thấy cảnh ba mẹ ly hôn. Nếu chị B kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh và chị B có 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 23/4/2008 và Đỗ Khánh H, sinh ngày 06/12/2009. Hiện nay hai con chung đang sống với chị B. Nếu ly hôn anh đồng ý giao 02 con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc và hay vắng nhà nên anh xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

*\* Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về thủ tục tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Tòa án xác định là đúng và đầy đủ;

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền;

+ Về thời hạn giải quyết vụ án: Tòa án giải quyết trong hạn luật định;

+ Về thu thập chứng cứ: Tòa án thu thập chứng cứ đầy đủ và đúng quy định của pháp luật.

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự: chấp hành và thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: chị B và anh C đã có mâu thuẫn trầm trọng, chị B không còn tình cảm với anh C do anh C không có trách nhiệm với gia đình. Do đó, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B. Về quan hệ con chung: có 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 23/4/2008 và Đỗ Khánh H, sinh ngày 06/12/2009. Hiện nay hai con chung đang sống với chị B. Nếu ly hôn, đề nghị giao 02 con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết. Án phí chị B phải chịu theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **1. Về thủ tục tố tụng:**

- Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: xin ly hôn, tranh chấp về con chung; anh C vắng mặt nhưng có lời khai không đồng ý ly hôn, đồng ý giao 02 con chung cho chị B chăm sóc nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của đương sự và tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

- Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết B có đơn khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Đỗ Trí C, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp M, xã N, huyện P, Thành phố Hồ Chí Minh, nơi cư trú: tổ 1, khu phố M, thị trấn N, huyện P, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định chị Nguyễn Thị Tuyết B là nguyên đơn, anh Đỗ Trí C là bị đơn; quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu.

#### **2. Về nội dung:**

- Về quan hệ hôn nhân xét thấy: chị B và anh C kết hôn với nhau năm 2006 trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được UBND thị trấn N, huyện P, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 165, quyền số 01/2006 ngày 24/8/2006 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị B, sau khi kết hôn anh chị chung sống không bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh C thường xuyên vắng nhà không có lý do, không quan tâm đến vợ, con. Vì muốn giữ hạnh phúc gia đình và muốn các con có tình thương của cha mẹ chị đã cam chịu và nhiều lần nói chuyện với anh C nhưng anh C không sửa từ đó mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng nên chị đã về nhà cha mẹ ruột và sống ly thân với anh C từ năm 2013 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân anh chị ít liên lạc, không quan tâm gì đến nhau.

Còn đối với anh C cho rằng: Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp tính tình, dẫn đến cãi vã nhau, từ đó anh chị ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân anh chị không liên lạc, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay qua yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị B thì anh không đồng ý.

Theo kết quả xác minh tại UBND thị trấn Vĩnh An thì quá trình chị B và anh C chung sống có xảy ra mâu thuẫn do anh C thường xuyên vắng nhà, không quan tâm, chăm sóc vợ, con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Mâu thuẫn trở nên trầm trọng vào năm 2013 khi chị B cùng 02 con chung về nhà cha mẹ ruột sống và anh C chị B ly thân nhau từ đó. Khi ly thân anh C chị B cũng không quan tâm, chăm sóc gì cho nhau. Mâu thuẫn của anh C chị B chưa được chính quyền địa phương hòa giải vì không yêu cầu.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần mời chị B anh C đến Tòa án để phân tích, giải thích các quy định của pháp luật, hòa giải giữa các đương sự để vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhưng anh C vắng mặt, chị B vẫn giữ nguyên ý kiến, kiên quyết xin ly hôn anh C.

Từ những chứng cứ trên, xét thấy mâu thuẫn giữa chị B và anh C là có thật và đã trầm trọng. Do đó, chị Nguyễn Thị Tuyết B được ly hôn anh Đỗ Trí C.

- Về quan hệ con chung: Theo lời khai của chị B, anh C: anh chị có 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 23/4/2008 và Đỗ Khánh H, sinh ngày 06/12/2009. Hiện nay hai con chung đang sống với chị B. Nếu ly hôn anh chị thống nhất giao 02 con chung cho chị B chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là ý kiến tự nguyện của chị B, anh C, phù hợp với ý chí của cháu N, cháu H nên ghi nhận. Do đó, giao 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 23/4/2008 và Đỗ Khánh H, sinh ngày 06/12/2009 cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, chị Nguyễn Thị Tuyết B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 001422 ngày 07/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 48, 68, 147, 220, 266, 271, 273, 278 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 85, 87, 88, 89, 91 và Điều 92 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, và 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 23 của Luật phí và lệ phí năm 2015 của Quốc Hội; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Tuyết B được ly hôn anh Đỗ Trí C.

2. Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Tuyết B và anh Đỗ Trí C có 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 23/4/2008 và Đỗ Khánh H, sinh ngày 06/12/2009. Hiện nay hai con chung đang sống với chị Nguyễn Thị Tuyết B. Giao 02 con chung tên Đỗ Như N và Đỗ Khánh H cho chị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đỗ Trí C được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Vì quyền lợi của con, khi điều kiện thay đổi đương sự được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Tuyết B phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 001422 ngày 07/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Chị B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Tuyết B được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Đỗ Trí C quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án chính hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN (01);
- VKSND H.VC, T.ĐN (02);
- Chi cục THADS H.VC (01);
- UBND TT. Vĩnh An, H. Vĩnh Cửu (01);
- Đương sự (02);
- Lưu hồ sơ, VP (02).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

**Võ Xuân Sơn**